



BẢNG TIÊU CHÍ VÀ THANG CHẤM ĐIỂM
LỰA CHỌN TỔ CHỨC ĐẤU GIÁ ĐỀ BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN CÔNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NGHỆ AN DO SỞ TÀI CHÍNH TỔ CHỨC BÁN

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QĐ14 ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Nghệ An Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Công văn số 8443/UBND-NC ngày 02/11/2018 của UBND tỉnh Nghệ an về việc tăng cường quản lý hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

Để thực hiện lựa chọn tổ chức đấu giá đề bán đấu giá tài sản công trên địa bàn tỉnh Nghệ An được UBND tỉnh giao Sở Tài chính tổ chức bán, Sở Tài chính ban hành bảng tiêu chí và thang chấm điểm làm căn cứ để thông báo và tổ chức xác định lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản đề bán đấu giá tài sản công như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Thang điểm tối đa (điểm)	Ghi chú
1	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đây là tiêu chí không tính điểm nhưng là điều kiện bắt buộc.	
2	Tổ chức bộ máy, nhân sự	07	
2.1	Tổ chức đấu giá có đề án tổ chức bộ máy: lãnh đạo, kế toán, nhân viên, kho quỹ; Tổ chức đấu giá phải có trang Website (ghi rõ trang web của đơn vị)	02	
2.2	Số lượng Đấu giá viên của Tổ chức đấu giá (phô tô chứng thực chứng chỉ hành nghề, thẻ đấu giá viên)	05	
-	Tổ chức đấu giá có từ 1-2 đấu giá viên	03	
-	Tổ chức đấu giá có từ 3-4 đấu giá viên	04	

-	Tổ chức đấu giá có từ 5 đấu giá viên trở lên	05	
3	Trụ sở, địa điểm làm việc của Tổ chức đấu giá (có hồ sơ hoặc hợp đồng chứng minh)	10	
3.1	Tổ chức đấu giá có trụ sở, hoặc thuê mượn trụ sở, địa điểm làm việc ổn định	05	
-	Có diện tích trụ sở làm việc dưới 200m ²	01	
-	Có diện tích trụ sở làm việc từ 200m ² đến dưới 1000m ²	03	
-	Có diện tích trụ sở làm việc trên 1000m ²	05	
3.2	Trụ sở, địa điểm làm việc có Hội trường đấu giá	2,5	
-	Hội trường đấu giá dưới 100 chỗ ngồi	1,5	
-	Hội trường đấu giá trên 100 chỗ ngồi	2,5	
3.3	Có kho lưu giữ hồ sơ, tài liệu lâu dài theo đúng chế độ văn thư lưu trữ (có hồ sơ hoặc hợp đồng chứng minh- sơ đồ kích thước phòng)	2,5	
4	Về phương tiện, trang thiết bị phục vụ đấu giá	07	
4.1	Tổ chức đấu giá trang bị đầy đủ trang thiết bị phục vụ đấu giá: máy vi tính, máy chiếu, đồng hồ tính thời gian bỏ phiếu, loa phát thanh mini	04	
-	Có đủ cả bốn thiết bị nêu trên	04	
-	Thiếu 01 thiết bị	03	
-	Thiếu 02 thiết bị	02	
-	Thiếu 03 thiết bị	01	
-	Không có thiết bị nào	0	
4.2	Có cam kết Trang bị hệ thống camera an ninh giám sát tại cuộc đấu giá	03	
-	Camera có từ 10 mắt trở lên	03	
-	Camera có từ 05 mắt đến dưới 10 mắt	02	
-	Camera có từ 04 mắt trở xuống	01	
-	Không có Camera	0	
5	Về năng lực kinh nghiệm đấu giá của tổ chức đấu giá tài sản, đấu giá viên	21	
5.1	Kinh nghiệm về thời gian hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản	04	
-	Tổ chức đấu giá có hoạt động đấu giá dưới 3 năm	01	
-	Tổ chức đấu giá có hoạt động đấu giá từ 3 năm đến dưới 5 năm	02	

-	Tổ chức đấu giá có hoạt động đấu giá từ 5 năm đến dưới 10 năm	03	
-	Tổ chức đấu giá có hoạt động đấu giá từ 10 năm trở lên	04	
5.2	Kinh nghiệm của đấu giá viên (tính trung bình cộng của tất cả đấu giá viên của tổ chức đấu giá)	05	
-	Dưới 02 năm	01	
-	Từ 02 năm đến dưới 04 năm	02	
-	Từ 04 năm đến dưới 06 năm	03	
-	Từ 06 năm đến dưới 08 năm	04	
-	Trên 08 năm	05	
5.3	Năng lực về hiệu quả đấu giá (thể hiện qua hồ sơ ít nhất 3 cuộc đấu giá gồm HĐ, biên bản và kết quả đấu giá)	12	
	Chênh lệch (%) giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm bình quân của tất cả các cuộc đấu giá đất thành trong 02 năm liền kề trước đó cho đến thời điểm thông báo công khai của Sở Tài chính để lựa chọn tổ chức đấu giá:		
-	Chưa đấu giá cuộc nào	0	
-	Dưới 5%	02	
-	Từ 5% đến dưới 10%	04	
-	Từ 10% đến dưới 15%	06	
-	Từ 15% đến dưới 20 %	08	
-	Từ 20 % đến dưới 30 %	10	
-	Từ 30% trở lên	12	
6	Năng lực hồ sơ đấu giá	05	
6.1	Tổ chức đấu giá có báo cáo tổng hợp doanh số hàng năm	02	
6.2	Tổ chức đấu giá đã thực hiện tối thiểu 02 hợp đồng dịch vụ đấu giá có giá trị tương đương với quy mô quyền sử dụng đất đấu giá mà tổ chức đấu giá nộp hồ sơ tham gia lựa chọn	03	
7	Phương án đấu giá	10	
7.1	Tổ chức đấu giá xây dựng được phương án đấu giá	03	
7.2	Tổ chức đấu giá có giải pháp đấu giá đảm bảo tính khả thi, hiệu quả	03	

7.3	Tổ chức đấu giá xây dựng, tổ chức thực hiện đấu giá bằng hình thức trả giá gián tiếp hoặc đấu giá trực tuyến	04	
8	Uy tín của tổ chức đấu giá	05	
8.1	Tổ chức đấu giá, đấu giá viên không vi phạm pháp luật, chưa bị xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động bán đấu giá	05	
8.2	Tổ chức đấu giá, đấu giá viên đã vi phạm pháp luật, bị xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động bán đấu giá 01 lần	03	
8.3	Tổ chức đấu giá, đấu giá viên đã vi phạm pháp luật, bị xử lý vi phạm hành chính trong hoạt động bán đấu giá từ 01 lần trở lên	01	
8.4	Tổ chức đấu giá có đấu giá viên đã bị xử lý hình sự trong hoạt động bán đấu giá	0	
9	Xây dựng mức thù lao đấu giá tài sản hợp lý	30	
9.1	Không giảm giá thù lao so với mức quy định tại Thông tư 45/2017/TT-BTC	0	
9.2	Giảm 1% mức thù lao đấu giá so với mức quy định tại Thông tư 45/2017/TT-BTC	Được tính 01 điểm, tối đa không quá 30 điểm	
10	Phương án bảo vệ an ninh trật tự phiên đấu giá	05	
10.1	Tổ chức đấu giá xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự phục vụ cuộc bán đấu giá	02	
10.2	Có phương án phối hợp với Công an cấp tỉnh, cấp huyện; UBND xã và Công an cấp xã trong việc đảm bảo an ninh trật tự cho cuộc bán đấu giá	03	
	Tổng cộng	100	

(Công văn này thay thế cho Công văn số 3874 STC/QLG&CS ngày 29/11/2018 của Sở Tài chính Nghệ An)

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp (để b/c);
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Tổ tư vấn lựa chọn tổ chức đấu giá thuộc Sở Tài chính (để t/h);
- Các tổ chức đấu giá (để biết);
- Lưu: VT, QLG&CS.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Việt Dũng